SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường THPT Trần Phú Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Tổ: Địa lí

ĐỀ CƯƠNG KHỐI 12

Ôn tập học kì 1- năm học 2019-2020

**ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN**

**BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ**

1.Vị trí địa lí :

- Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực ĐNÁ

- Giáp Trung Quốc ở phía bắc, phía Tây giáp Lào và Campuchia, phía đông giáp biển Đông

|  |  |
| --- | --- |
| *Điểm cực* | *Trên đất liền* |
| + Cực Bắc :  | 23o23’ B xã Lũng Cú ( Hà Giang )  |
| + Cực Nam: |  8o34’ B xã Đ.Mũi (Cà Mau )  |
| + C Đông : | 109o24’Đ xã Vạn Thạnh(Khánh Hoà) |
| + Cực Tây:  | 102o 09’ Đ xã Xín Thầu ( Điện Biên) |

-Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến Bắc Bán Cầu

- Vừa gắn với lục địa Á-Âu vừa giáp biển Đông thông ra TBD

- Đại bộ phận lãnh thổ nằm trong múi giờ số 7

2. Phạm vi lãnh thổ

 *a. Vùng đất gồm đất liền & hải đảo :* S = 331 212 Km2

- Đường biên giới + TQ : 1.400 Km

 + Lào: 2.100 Km 4600 km

 +CPC : 1.100 Km

- Bờ biển: + Dài 3260 Km từ Móng Cái đến Hà Tiên qua 28 tỉnh thành

- Hải đảo : + Khoảng 4000 hòn đảo

 + Có 2 quần đảo lớn là Hoàng Sa (Đà Nẵng) & Trường Sa (Khánh Hoà ).

b. *Vùng biển* *: S=* 1 triệu Km2 , giáp 8 nước ( đọc Astlat), bao gồm 5 bộ phận :

- Nội thủy: Vùng nước phía trong đường cơ sở, được tính như phần lãnh thổ thuộc đất liền

- Lãnh hải : là vùng thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở (1 hải lí = 1852m )

- Vùng tiếp giáp lãnh hải: Rộng 12 hải lí tính từ giới hạn ngoài của lãnh hải

- Vùng đặc quyền kinh tế: hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở .

- Vùng thềm lục địa :là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, từ giới hạn ngoài của lãnh hải =>bờ ngoài của rìa lục địa đến độ sâu >/ 200m

*c.* Vùng trời là khoảng không bao trùm trên lãnh thổ nước ta

3. Ý nghĩa của vị trí và phạm vi lãnh thổ VN

*a)Ý nghĩa tự nhiên:*

 *-* Nằm trong vùng nội chí tuyến BBC,trong vùng gió mùa châu Á lại giáp biên nên quy định tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta.

- Vị trí và hình thế lãnh thổ tạo nên sự phân hoá đa dạng của tự nhiên từ Bắc vào Nam, từ Đông sang Tây, hình thành các vùng tự nhiên khác nhau.

- Nằm kề vành đai sinh khoáng TBD & ĐTHải nên có nhiều khoáng sản . nằm trên đường di lưu của nhiều loài động, thực vật nên có tài nguyên sinh vật phong phú.

- Nằm trong vùng có nhiều thiên tai của thế giới: bão, lụt ,hạn …cần chủ động phòng chống

*b) Ý nghĩa kinh tế , văn hoá- xã hội và quốc phòng :*

- Về kinh tế : tạo thuận lợi để phát triển kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài .

- Về VH- xã hội : tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực ĐNA

- Về ANQP nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng của vùng ĐNA . Đặc biệt Biển Đông là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

**BÀI 6 – 7. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**

**1. Đặc điểm chung của hình:**

- Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

 + Đồi núi chiếm ¾ diện tích, đồng bằng chỉ chiếm ¼ diện tích lãnh thổ

 + Trên cả nước núi cao > 2000m chỉ 1%, địa hình đồng bằng và đồi núi thấp dưới 1000m chiếm 85 %, diện tích lãnh thổ

- Cấu trúc địa hình đa dạng :

 + Định hình có cấu trúc cổ được vận động Tân kiến tạo được trẻ hóa và có tính phân bậc rõ.

 + Thấp dần từ TB xuống ĐN và phân hóa đa dạng.

 + Gồm 2 hướng chính: TB-ĐN thể hiện rõ ở vùng núi Tây Bắc và trường Sơn Bắc, hướng vòng cung ở vùng núi Đông Bắc & Trường Sơn Nam.

- Địa hình có chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa:

 + Xâm thực mạnh ở đồi núi do mưa nhiều

 + Bồi tụ nhanh ở các đồng bằng hạ lưu sông.

- Địa hình có chịu tác động của con người : phá rừng & khai thác hầm mỏ ..làm đẩy nhanh tốc độ rửa trôi, xói mòn ở đồi núi; tạo thêm nhiều dạng địa hình mới : ruộng bậc thang, đắp đê …

**2. Các khu vực địa hình**.

***a. Khu vực đồi núi***

***- Đông Bắc:***

 + Nằm ở phía Đông thung lũng sông Hồng

+ Hướng vòng cung là chủ yếu , các cánh cung thấp (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm đầu ở Tam Đảo, mở ra ở phía Bắc và Đông.

***- Tây Bắc:***

 + Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

 + Hướng núi TB-ĐN ,

+ Phía đông là hệ Hoàng Liên Sơn đồ sộ nhất nước ta, phía tây là núi trung bình nằm dọc biên giới Lào-Việt, giữa là núi thấp hơn và các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu tiếp nối núi đá vôi ở Ninh Bình-Thanh Hóa.

***-Trường Sơn Bắc.***

 + Chạy từ nam sông Cả đến dãy Bạch Mã

 + Hướng TB – ĐN, núi TSB thấp và hẹp ngang,

 + Gồm những dãy núi song song và so le nhau , cao hai đầu, *thấp ở giữa*

***- Trường Sơn Nam.***

 + Chạy từ nam Bạch Mã cho đến hết khối núi cực Nam Trung Bộ

 + Hướng chính là vòng cung, nghiêng dần về phía Đông

 + Gồm các khối núi và cao nguyên, cao và đồ sộ . Có sự bất đối xứng giữa 2 sườn Đông và Tây: phía Đông với những đỉnh cao trên 2000m, đổ xuống Đbằng hẹp ven biển. Phía tây là các cao nguyên badan xếp tầng độ cao 500- 800-1000m và bán bình nguyên xen đồi .

**b. Khu vực bán bình nguyên và đồi trung du chuyển tiếp từ đồi núi xuống đồng bằng**

**c. Khu vực đồng bằng chiếm ¼ diện tích đất nước gồm 2 loại:**

 *-* ***Đồng bằng châu thổ sông Hồng:***

 + Diện tích 15.000 km2

 + Được hình thành do phù sa hệ thống sông Hồng và hệ sông Thái Bình bồi đắp dần vào vịnh biển nông & thềm lục địa mở rộng. cao ở phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển. Bị chia cắt thành các ô trũng, có hệ thống đê ngăn lũ.

+ Đất đai: Trong đê không được bồi phù sa gồm các ruộng bậc cao bạc màu & ô trũng ngập nước. Vùng ngoài đê được bồi phù sa

: ***- Đồng bằng sông Cửu Long*:**

+ Diện tích 40.000 km2 ,

+ Được bồi tụ bởi phù sa của sông Tiền và sông Hậu, bồi đắp dần vào vịnh biển nông & thềm lục địa mở rộng. Địa hình thấp và phẳng*,* có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

+ Đất đai: được bồi phù sa hàng năm. Mùa khô 2/3 diện tích Đbằng là đất phèn, đất mặn do nước triều lấn mạnh

***-Đồng bằng ven biển:***

+ Diện tích 15.000 km2

+ Biển đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đồng bằng.

+ Đất nghèo nhiều cát, ít phù sa sông

+ Đồng bằng thường hẹp ngang và chia thành các đồng bằng nhỏ.

 **3. Ảnh hưởng của địa hình đồi núi đối với sự phát triển kinh tế- xã hội:**

 **a. Khu vực đồi núi:**

***- Thế mạnh:***

+ Tập trung nhiều khoáng sản

+ Tài nguyên rừng giàu có về thành phần loài động thực vật với nhiều loài quí hiếm

+ về sản xuất nông nghiệp: các cao nguyên, đất tốt

+ Sông ở miền núi có tiềm năng thủy điện lớn

+ Tiềm năng du lịch: có nhiều phong cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ

*-* ***Hạn chế***

+ Địa hình núi bị chia cắt mạnh

+ Nơi xảy ra nhiều thiên tai vào mùa mưa như: lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất…

**b. Khu vực đồng bằng (sgk).**

**BÀI 8: THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN**

**1. Khái quát về biển Đông:**

- Diện tích 3,447 triệu km2, biển lớn thứ 2 của Thái Bình Dương

- Là biển tương đối kín, phía Đông & Nam được bao quanh bởi quần đảo

- Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

**2. Ảnh hưởng của biển Đông đối với thiên nhiên Việt Nam:**

***a. Khí hậu***: Biển Đông đã làm khí hậu nước ta mang tính hải dương điều hòa

- tăng độ ẩm của các khối khí qua biển mạng lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.

- làm giảm bớt tính khắc nghiệt lạnh, khô của mùa đông và giảm bớt nóng gây mưa nhiều vào mùa hè.

***b. Địa hình và hệ sinh thái vùng ven biển:***

- Các dạng địa hình ven biển đa dạng: vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu thổ, các bãi cát phẳng, các vũng vịnh nước sâu..

- Các hệ sinh thái vùng ven biển đa dạng và giàu có đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn.

***c. Tài nguyên thiên nhiên vùng biển giàu có:***

- Tài nguyên khoáng sản: + dầu khí trữ lượng lớn ở bể Nam Côn Sơn và bể Cửu Long ,

+ titan có nhiều trong các bãi cát ở ven biển …

+ Thuận lợi cho nghề làm muối, nhất là vùng biển Nam Trung Bộ.

+ Có trên 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm, vài chục loài mực, hàng ngàn loài sinh vật phù du

***d. Thiên tai:*** Bão: - Sạt lở bờ biển… Cát bay, cát chảy …

**BÀI 9-10: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**

**1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa**:

***a. Tính chất nhiệt đới.:***

- Nguyên nhân: + do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến

- Biểu hiện: + cân bằng bức xạ lớn và cân bằng dương quanh năm .

+ nhiệt độ trung bình năm cao vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới, trên 200C

+ số giờ nắng từ 1400-3000 giờ/ năm

***b.Lượng mưa, độ ẩm lớn:***

- Nguyên nhân: lãnh thổ hẹp ngang nằm kề biển lớn, các khối khí di chuyển qua biển đã mạng lại cho nước ta một lượng mưa lớn.

- Biểu hiện:

 + Lượng mưa trung bình năm từ : 1500-2000mm

+ Độ ẩm không khí cao từ 80-100%, cân bằng ẩm luôn luôn dương.

***c.Gió mùa***:

 + *Gió mùa mùa đông*:

* Hoạt động từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, chủ yếu ở phía bắc dãy Bạch Mã
* Xuất phát từ áp cao Xi-bia, khối khí lạnh này di chuyển theo hướng đông bắc về nước ta,
* Vào đầu và giữa mùa đông gió mùa đông bắc làm miền bắc nước ta có thời tiết lạnh khô.
* Nửa sau mùa đông, có thời tiết lạnh ẩm và mưa phùn ở ven biển và đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ .

 *+ Gió mùa mùa hạ*:

* Từ tháng 5 đến tháng 11,
* Đầu mùa hạ: Xuất phát từ khối khí nhiệt đới ở Bắc Ấn Độ Dương theo hướng tây nam vào nước ta gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên, gây khô nóng ở ven biển Trung Bộ và nam của vùng Tây Bắc (do vượt núi gây hiện tượng phơn) .
* Giữa và cuối mùa hạ: xuất phát từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu nam cùng với đường hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân gây mưa vào mùa hạ cho cả miền Nam, miền Bắc và mưa vào tháng IX ở Trung Bộ. Do áp thấp Bắc Bộ, khối khí này đổi hướng thành “gió mùa Đông Nam” đối với miền Bắc nước ta.

**2. Các thành phần tự nhiên khác.**

 a. ***Địa hình:***

*- Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi*

*- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng:*

 ***b. Sông ngòi:***

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc có 2360 con sông dài trên 10 km

- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa khoảng 200 triệu tấn/năm

- Chế độ nước theo mùa:

 ***c. Đất:*** Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm.

 + Sự rửa trôi các chất badơ làm đất chua

 + Sự tích tụ các oxit sắt và oxit nhôm làm cho đất có màu đỏ vàng.

+ Quá trình phong hoá diễn ra mạnh mẽ làm cho đất có tầng dày

 ***d. Sinh vật***

- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, còn ít.

- Hệ sinh thái nhiệt đới ẩm gió mùa thành phần loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế

**BÀI 11-12: THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

**1. Thiên nhiên phân hóa theo Bắc-Nam.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Phần lãnh thổ phía Bắc***:  | ***Phần lãnh thổ phía Nam.*** |
| - Từ Bạch Mã trở ra. Thiên nhiên đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh- Nhiệt độ trung bình năm từ 200C- 2 mùa: đông $ Mùa hạ . Có mùa đông lạnh với 2-3 tháng có nhiệt độ <18ºC. Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc- Biên độ nhiệt năm lớn- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng nhiệt đới gió mùa- Thành phần động thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loại cận nhiệt và ôn đới.  | - Từ Bạch Mã trở vào. Thiên nhiên mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa- Nhiệt độ trung bình năm trên 25ºC - Có hai mùa mưa khô đối lập. Nóng quanh năm, không có tháng nào dưới 20ºC. - Biên độ nhiệt năm nhỏ- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng cận xích đạo gió mùa.- Thành phần chủ yếu thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới, |

**2. Thiên nhiên phân hoá theo Đông-Tây:**Từ đông sang Tây thiên nhiên phân làm 3 vùng

 ***a. Vùng biển và thềm lục địa:***

 ***b. Vùng đồng bằng ven biển:***

 ***c. Vùng đồi núi***

**3. Thiên nhiên phân hoá theo độ cao:** Theo độ cao có 3 đai.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***a. Đai nhiệt đới gió mùa chân núi***  | ***b. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi***  | ***c. Đai ôn đới gió mùa trên núi***  |
| - ***Độ cao*** dưới 600 - 700m (MBắc), dưới 1000m (ở miền nam)- ***Khí hậu***: nhiệt đới, mùa hạ nóng nhiệt độ trung bình tháng> 25ºC. + Độ ẩm thay đổi từ khô đến ẩm ướt.- ***Có 2 nhóm đất***: phù sa: 24% S, đất tự nhiên, đất feralit chiếm 60% S.- ***Sinh vật gồm:***+ Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh + Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa | -từ 600-700m (MB), miền Nam từ 1000m đến 2600m.- ***Khí hậu*** : mát mẻ không có tháng nào nhiệt độ trên 25ºC, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng*-* ***Có 2 nhóm đất và 2 hệ sinh thái****:* + độ cao từ 600-700m đến 1600-1700m là đất Feralit có mùn, chua, tầng mỏng… Rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim .+Trên 1600-1700 m: đất mùn. Rừng sinh trưởng kém. | - trên 2600m ***(chỉ có ở miền Bắc)***- ***Khí hậu:*** gần giống khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 15ºC, mùa đông xuống dưới 5ºC- ***Nhóm đất :*** đất mùn thô- ***Thực vật*** là các loài của cây ôn đới  |

 **4.Các miền địa lý tự nhiên: (sgk)**

 **BÀI 14. SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TN** | **Tình hình tài nguyên** | **Biện pháp bảo vệ** |
| **Rừng** | + Bị suy giảm + Tổng diện tích rừng tăng, chất lượng rừng giảm sút: vì rừng non mới phục hồi và rừng trồng chưa đến tuổi khai thác  | + Nâng độ che phủ rừng+Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho dân.+Quy định viecj khai thác với 3 loại rừng |
| **Đa dạng sinh học cao** |  *Suy giảm* tính đa dạng sinh học:+ Do khai thác quá mức & ô nhiễm tài nguyên nước+Sản lượng đánh bắt cá, tôm giảm sút.+Nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng  | + Xây dựng & mở rộng hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên+ Ban hành“ Sách đỏ Việt + Qui định khai thác đôi với bảo vệ |
| **Đất** | + dtích đất bị suy thoái vẫn lớn, hoang mạc hóa, khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ít | **+** Vùng đồi núi cần áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác+Bảo vệ đất gắn với bảo vệ rừng, nguồn nước. + Đồng bằng: canh tác hợp lí. Chống bạc màu, nhiễm mặn, phèn. |

**BÀI 15: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

**I. Một số thiên tai và biện pháp phòng chống**

**1. Bão**:

*a. Hoạt động của bão ở Việt Nam:*

- Mùa bão hoạt động ở Việt Nam từ tháng VI đến tháng XI, ba tháng tập trung nhiều bão nhất là 9,10,8. Mùa bão chậm dần từ bắc vào nam, hoạt động mạnh nhất ở vùng ven biển Trung Bộ

- Trung bình mỗi năm có từ 3-4 cơn bão đổ bộ vào vùng bờ biển nước ta

**2. Ngập úng, lũ quét và hạn hán:**

*a. Ngập úng*:

- Đồng bằng sông Hồng: do có mưa cường độ lớn, tập trung, mặt đất thấp, xung quanh có đê bao bọc, nhiều ô trũng, thêm nữa mật độ dân cư cao cũng tăng mức độ ngập úng

- Đồng bằng sông Cửu Long: ngập úng diễn ra trên diện rộng, không chỉ do mưa mà còn do mực thủy triều cao.

 *b. Lũ quét:*

- Lũ quét xảy ra ở những thung lũng sông suối miền núi có địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật, bề mặt đất dễ bị bóc mòn khi có mưa lớn.

*c. Hạn hán:*

- Thường xảy ra vào mùa khô ở nước ta, ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và đời sống nhân dân.

- Phòng chống khô hạn lâu dài phải giải quyết bằng những công trình thủy lợi hợp lý.

**3.Động đất:**

Tây bắc là khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất.

**4. thiên tai khác:** lốc, mưa đá, sương muối…

**B. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Bài 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ**

**Câu 1**: Tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do về hàng hải và hàng không trong vùng:

A. Lãnh hải B. Tiếp giáp lãnh hải C. Đặc quyền kinh tế D. Thềm lục địa

**Câu2:** Đường bờ biển nước ta dài 3260 km thuộc hải giới của :

A. 64 tỉnh thành B. 32 tỉnh thành C. 28 tỉnh thành D. 25 tỉnh thành

**Câu 3:** Để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam, năm 1982 chính phủ đã ra tuyên bố quy định rõ:

 A. Vòng nội thủy B. Đường biên giới quốc gia trên biển

 C. Đường cơ sở ven đường bờ biển D. Vòng đặc quyền kinh tế của nước ta

**Câu 4**: Thiên nhiên nước ta khác hẳn với các nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi là nhờ:

A. Chịu ảnh hưởng của gió mùa và gió mậu dịch B. Nằm tiếp giáp với biển Đông

C. Nằm hoàn toàn trong vòng nhiệt đới Bắc bán cầu D. Nằm vị trí tiếp giáp giữa nhiều hệ thống tự nhiên

**Câu 5:** Nước ta có thể chung sống hòa bình hợpn tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước trong khu vực là nhờ:

A. Có những điểm tương đồng về vị trí địa lý

B. Có những điểm tương đồng về văn hóa xã hội và có mối giao lưu lâu dài

C. Nước ta là cửa ngõ mở lối ra biển thuận lợi cho các nước

D. Nước ta và các nước đều nằm trong vùng có kinh tế phát triển năng động

**Câu 6:** Việc thông thương giữa nước ta và các nước láng giềng chỉ có thể tiến hành thuận lợi ở các cửa khẩu vì:

A. Phần lớn biên giới là các vùng đồng bằng , sự phân định khó khăn

B. Phần lớn biên giới nằm ở miền núi , việc phân định khó khăn

C. Đường biên giới quá dài

D. Có đường biên giới chung với quá nhiều nước

**Câu 7:** Để xác định vòng nội thủy của nước ta , cần phải dựa vào:

A. Đường cơ sở ven bờ B. Công ước quốc tế về luật biển

C. Đường biên giới quốc gia trên biển D. Độ sâu của thềm lục địa

**Câu 8:** Lãnh hải nước ta

A. Có bề rộng 12 hải lý tính từ bờ biển B. Có bề rộng 22,2 km tính từ bờ biển

C. Có bề rộng 22,2 km tính từ đường cơ sở

D. Có vòng biển được quy định nhằm bảo đảm cho việc thực hiện chủ quyền của các nước ven biển

**Câu 9:** Đặc điểm nổi bật của vị trí địa lý nước ta đã tạo thuận lợi cho sinh hoạt và quản lý xã hội là:

A. Tiếp giáp với biển , trên 3260 km bờ biển B. Nằm hoàn toàn trong múi giờ số 7

 C. Nằm ở vị trí ngã tư đường hàng hải hàng không quốc tế D. Cửa ngõ mở lối ra biển thuận lợi của các nước

**Câu 10 :** Đối với vùng thềm lục địa :

A. Nhà nước ta có toàn quyền về mặt thăm dò ,khai thác và quản lý các tài nguyên thiên nhiên

B. Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng vẫn để các nước được tự do về hàng hải và hàng không

C. Các nước có liên quan phải bàn bạc để phân định chủ quyền trên các nguồn tài nguyên

D. Các nước hữu quan phải thực hiện cắm mốc để phân định chủ quyền về các nguồn tài nguyên .

**Câu 11 :** Nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên khá đa dạng nhờ :

A. Nằm ở rìa phía Đông Nam của lục địa Châu Á B. Nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa

C. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa nhiều hệ thống tự nhiên D. Nằm gần vành đai sinh khoáng Châu Á – Thái Bình Dương

**Câu 12** : Quần đảo Hoàng Sa có đặc điểm :

A. Là quần đảo xa bờ thuộc thành phố Đà Nẵng B. Tỉnh Khánh Hòa là quần đảo ven bờ

C. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu D. Tỉnh Bình Thuận

**Câu 13 :** Nối liền các mũi đất xa nhất và các đảo ven bờ ta có được :

A. Đường biên giới quốc gia trên biển B. Đường ven biển C. Đường hải quan D. Đường phân định trên vịnh

**Câu 14** : Nằm trên biên giới Việt – Campuchia là cửa khẩu :

A. Mộc Bài B. Lao Bảo C. Lào Cai D. Tây Trang

**Câu 15** :Sín Thầu là một xã có điểm :

A. Cực Bắc của nước ta B. Cực Nam của nước ta C. Cực Đông của nước ta D. Cực Tây của nước ta

**Câu 16** : Phần đất liền của lãnh thổ nước ta trải ra tại :

A. 15 vĩ tuyến B. Gần 15 vĩ tuyến C. Trên 17 vĩ tuyến D. Gần 17 vĩ tuyến

**Câu 17** : Đây là các cửa khẩu nằm trên biên giới Việt Trung kể từ Đông sang Tây :

A. Móng Cái, Lào Cai, Tây Trang B. Lạng Sơn, Móng Cái, Tây Trang

C. Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai D. Lào Cai, Móng Cái, Lạng Sơn

**Câu 18** : 105 ºĐ và 23º23’B là tọa độ địa lý của 1 điểm ở :

A. Mường Nhé B. Ngọc Hiển C. Vạn Ninh D. Đồng Văn

**Câu 19** : Khung cơ bản của lãnh thổ nước ta được hình thành bởi :

A. Vùng đất liền với diện tích 331.212 km² và vùng biển rộng trên 1 triệu km²

B. Đường địa giới dài 4550 km và đường bờ biển dài 3260 km

C. Bốn điểm cực Bắc, cực Nam, cực Đông, cực Tây có tọa độ lần lượt là 23º23’B , 8º34’B, 102º10’Đ và 109ºĐ24’ Đ

D. Bốn điểm có tọa độ lần lượt là 23º23’B , 6º50’B, 101ºĐ và 117º20’Đ

**Câu 20** : Cửa ngõ mở lối ra biển thuận lợi nhất cho các khu vực đông bắc Thái Lan và Campuchia là :

A. Cảng Hải Phòng B. Các cảng ở Bắc Trung Bộ C. Các cảng ở Nam Trung Bộ

 D. Các cảng ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

**II. Đáp án : (bài 2)**

1.C 2.C 3.C 4.B 5.B 6.B 7.A 8.C 9.B 10.A 11.C

12.A 13.B 14.A 15.D 16.B 17.C 18.D 19.B 20.C

**Bài 6+7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**

**Câu 1** : Điểm giống nhau giữa địa hình vùng Đông Bắc và Tây Bắc là :

A .Có cấu tạo chủ yếu bởi đá vôi B . Có hướng nghiêng chung là tây bắc –đông nam

 C. Phần lớn là núi cao và núi trung bình D. Hướng núi chính là vòng cung

**Câu 2** : Nằm ở phía cực Tây hệ thống núi vòng cung của Đông Bắc là dãy :

 A. Đông Triều B. Ngân Sơn B. Bắc Sơn D. Sông Gâm

**Câu 3:** Ở Đông Bắc, các dãy núi cao tập trung ở :

A. Vùng thượng nguồn Sông Chảy B. Vùng núi Hà Giang, Cao Bằng

C. Hệ thống các dãy núi cánh cung D. Vùng đồi núi ở trung tâm

**Câu 4 :** Vùng núi Trường Sơn Bắc có đặc điểm :

 A. Gồm các núi đá vôi đồ sộ cao trên 1000m B. Có địa hình mở rộng và nâng cao

 C. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu D. Gồm các cánh cung chạy song song so le nhau

**Câu 5** : Phía Đông là hệ thống núi cao đồ sộ, phía Tây là các núi trung bình, ở giữa là các dãy núi thấp và sơn nguyên. Đó là đặc điểm địa hình của vùng :

 A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Nam Trường Sơn

**Câu 6** : Ở Đông Bắc, từ tây sang đông theo hướng vòng cung là thung lũng lần lượt của các sông:

 A. Cầu, Thương, Lục Nam B. Thương, Cầu, Lục Nam C. Thái Bình, Cầu, Thương D. Lục Nam, Thương, Cầu

**Câu 7** : Địa hình Bắc Trường Sơn và Nam Trường Sơn có đặc điểm chung là :

A. Đều chạy theo hướng tây bắc - đông nam rõ rệt

B. Gồm các dãy núi và cao nguyên có địa hình mở rộng và nâng cao

C. Có sự bất đối xứng giữa hai sườn đông – tây D. Có địa hình thấp ở giữa và cao ở hai đầu

**Câu 8** : Bạch Mã là dãy núi có đặc điểm :

 A Chạy theo hướng tây bắc – đông nam rõ rệt, thấp ở giữa cao ở hai đầu

 B.Chạy theo hướng tây –đông ngăn cách Bắc Trường Sơn với Nam Trường Sơn

 C.Chạy theo hướng tây bắc-đông nam, ngăn các khối khí lạnh tràn xuống phía Nam

 D .Địa hình đổ xô về phía đông, cao trên 2000m

**Câu 9** : Địa hình đồi núi của nước ta có đặc điểm :

A. Hướng tây bắc –đông nam có mặt ở tất cả các vùng B. Địa hình đồi núi thấp chiếm 60 % diện tích lãnh thổ

C. Núi cao trên 1000m chỉ chiếm 5 % diện tích D. Chỉ có vùng Tây Bắc mới có núi cao, các vùng khác đều là núi thấp

**Câu 10** : Hệ thống núi ở Bắc Trường Sơn có đặc điểm :

A.Chạy dài từ biên giới Việt- Trung đến dãy Bạch Mã

B.Gồm các dãy núi song song, so le, thấp, hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu

 C.Các khối núi đổ xô về đông, nhiều đỉnh cao nằm chênh vênh sát biển

 D.Gồm các dãy núi cao và trung bình nằm kẹp các sơn nguyên đá vôi hùng vĩ

**Câu 11** : Vùng trung du ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng ven biển miền Trung có điểm giống nhau là :

A. Đều là các bậc thềm phù sa cổ cao khoảng 100m B. Đều là các sườn đồi badan cao dưới 200m

 C. Đều là các bậc thềm phù sa cổ bị các dòng chảy chia cắt D. Đều là những địa hình được mở rộng và nâng cao

**Câu 12** : Điểm khác nhau cơ bản giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là :

 A. Hướng núi .B Độ cao C. Cấu trúc D. Địa chất

**Câu 13** : Các bề mặt có độ cao chừng 200m phủ badan ở Đông Nam Bộ được xếp vào loại :

 A. Đồi trung du B. Bán bình nguyên C. Sơn nguyên C. Cao nguyên

**Câu 14**: Hướng nghiêng của địa hình nước ta được thể hiện rõ qua đặc điểm

A. Núi ở phía Tây, đồng bằng ở phía Đông B. Núi cao nhất tập trung ở Tây Bắc

 C. Các dòng sông lớn chảy chủ yếu theo hướng Đông-Nam D. Núi cao trên 2000 m chỉ chiếm 1% núi thấp

**Câu 15:** Địa hình vùng núi Nam Trường Sơn có đặc điểm:

 A. Núi cao ở phía đông, cao nguyên ở phía tây B. Núi cao ở phía tây, cao nguyên ở phía đông

 C. Núi cao ở phía đông và tây, giữa là các cao nguyên badan D. Núi cao ở phía đông, phía tây là núi thấp, giữa là cao nguyên

**Câu 16**: Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm chung là:

A. Có địa hình thấp và bằng phẳng B. Được hình thành trên và sụt lún của hạ lưu sông

C. Bị chia cắt thành nhiều ô D.Cao ở tây thấp dần ra biển

**Câu 17:** Vào mùa cạn, ở đồng bằng sông Cửu Long nước triều xâm nhập sâu nhiễm mặn lớn là do:

 A.Đồng bằng bị chia cắt thành các ô trũng B.Có địa hình thấp và khá bằng phẳng

 C.Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt D.Có các hệ thống đê bao ở ven sông

**Câu 18:** Đây là hậu quả của việc đắp đê ngăn lũ ở đồng bằng sông Hồng :

 A. Đất ở đồng bằng phù sa là loại đất bị bạc màu B. Địa hình cao ở phía tây, tây bắc và thấp dần ra biển

 C. Trên đồng bằng có các bậc ruộng cao bạc màu và các ô trũng

 D. Vào mùa cạn nước triều lấn mạnh, nhiều diện tích bị nhiễm mặn

**Câu 19:** Đất ở đồng bằng ven biển Miền Trung thường nghèo, nhiều cát ít phù sa vì:

 A. Biển đóng vai trò chủ yếu trong việc hình thành B. Sông ngòi ngắn, dốc, ít phù sa

 C. Bị các hoành sơn chia cắt thành các vùng nhỏ D. Đồng bằng thường bị chia 3 dãi

**Câu 20:** Đồng bằng ven biển Miền Trung có đặc điểm:

 A. Nằm gần một vùng biển nông, có thềm lục địa mở rộng

 B.Trên đồng bằng thường hình thành 3 dãi:cồn cát, đầm phá; vùng trũng thấp; đồng bằng

C. Có nhiều ruộng cao bạc màu và ô trũng ngập nước D. Địa hình thấp, dễ bị thủy triều xâm nhập

**Câu 21**: Đặc điểm tiêu biểu của địa hình núi của nước ta là:

A. núi thấp chiếm trên 80% diện tích B. chạy dài trên 1400km theo hướng bắc –nam

C. giống như phần nối dài của cao nguyên Vân Quí D. chia thành từng khu vực rõ rệt

**Câu 22**:Đây là các dãy núi thuộc vùng núi Tây Bắc:

A. Khoan La San, Pu-đen- đinh, Tây Côn Lĩnh B. Tây Côn Lĩnh, Kiều liêu ti, Phu tha ca

C. Pu-si-lung, Pu-đen-đinh, Khoan la san D. Pu-si-lung, Phu-tha-ca, Pu Hoạt

**Câu 23**: Địa hình núi Trường Sơn Bắc có đặc điểm:

A. Địa hình núi đổ xô về phía đông với những đỉnh cao trên 2000m .

B. Phía tây là các núi cao trên 2000m, giữa là các đồi thấp 500-600m

C. Gồm những dãy núi so le chạy sông song nhau, thấp ở giữa

D. Gồm những dãy núi song song kẹp các sơn nguyên ở giữa

**Câu 24:** Đây là cao nguyên có độ cao trên 1000m thuộc hệ núi Trường Sơn Nam.

A. Kon Tum B. Đắc Lắc C. Mơ Nông D. Di Linh

**Câu 25**:Đây là các cao nguyên đá vôi ở miền Bắc.

A. Đồng Văn, Quản Bạ, Mộc Châu, Mường Thanh, Đoan Hùng

B. Quản Bạ, Đoan Hùng, Tuyên Quang, Mường Thanh, Sơn La.

C. Lục Yên, Đoan Hùng, Tuyeden Quang, Mường Thanh, đồng Văn

D. Đồng Văn, Quản Bạ, Bắc Hà, Mộc Châu, Sơn La.

**II. Đáp án (6+7)**

1. B 2. D 3. A 4. C 5. B 6. A 7. C 8. B 9. B 10. B

11. C 12. A 13. B 14. C 15. A 16. B 17. C 18. C 19. A 20. B

21. A 22. C 23. C 24.D 25.D

**Bài 8:THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN**

**Câu 1**: Tính chất nhiệt đới của biển Đông được thể hiện rõ trong đặc điểm nào sau đây:

 A. Nhiệt độ nước biển cao , trung bình năm 23° C B. Độ mặn trung bình là 32-33% thay đổi theo mùa

 C. Sóng trên biển mạnh nhất vào thời kì gió mùa Đông Bắc D. Trong năm thủy triều biến động theo 2 mùa lũ , cạn

**Câu 2**: Biển Đông là biển tương đối kín nhờ:

A. Nằm giữa 2 lục địa Á-Âu và Ôxtrâylia B. Được bao quanh bởi hệ thống đảo và quần đảo

 C. Nằm hoàn toàn trong vòng nội chí tuyến D. Thông ra Thái Bình Dương và Ân Độ Dương băng qua các eo biển hẹp

**Câu 3:** Hình dạng khép kín của Biển Đông đã làm cho:

 A. Biển Đông là vùng ít bị thiên tai B. Biển Đông là biển nóng và chịu ảnh hưởng của gió mùa

 C. Các dòng hải lưu có tính khép kín và chảy theo hướng gió mùa

 D. Trong năm thủy triều biến động theo 2 mùa lũ , cạn

**Câu 4:** Đây là loại tài nguyên vô tận trên Biển Đông mà nước ta đang khai thác:

 A. Dầu khí B. Muối biển C. Cát trắng D. Ti tan

**Câu 5**: Đây là một tỉnh ở nước ta không giáp Biển Đông.

 A. Thái Bình B. Đồng Tháp C. Trà Vinh D. Ninh Thuận

**Câu 6**: Hệ sinh thái rừng ngập mặn của nước ta có đặc điểm:

 A. Diện tích bị thu hẹp chỉ còn dưới 15% B. Trước đây có diện tích lớn thứ hai thế giới

C. Tập trung chủ yếu ở vùng Nam Bộ D. Tất cả các đặc điểm trên

**Câu 7**: Vân Phong là một vịnh biển :

 A. Được quy hoạch thành cảng trung chuyển lớn nhất nước ta

 B. Cảng nước sâu lớn nhất nước thuộc vùng Đông Nam Bộ

 C. Có cảng trung chuyển lớn nhất Đông Nam Á thuộc tỉnh Khánh Hòa

D. Có cảng biển nước sâu với khối lượng hàng hóa bốc dỡ lớn nhất nước hiện nay

**Câu 8** : Việc khai thác dầu khí trên biển Đông của nước ta hiện đang thực hiện chủ yếu ở :

 A. Bể Nam Côn Sơn B. Bể Cửu Long C. Bể Thổ Chu - Mã Lai D. Bể sông Hồng

**Câu 9** : Bờ biển nước ta dài 3260 km bắt đầu từ Móng Cái (Quảng Ninh ) và chấm dứt ở

 A. Đất Mũi ( Cà Mau) B. Năm Căn ( Cà Mau ) C. Rạch Giá (Kiên Giang ) D Hà Tiên ( Kiên Giang )

**Câu 10 :** Đặc điểm nóng của biển Đông được thể hiện rõ nhất ở :

 A. Có các luồng gió thổi theo hướng Đông Nam gây mưa B. Có các dòng hải lưu nóng hoạt động suốt năm

 C. Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế D. Nhiệt độ trung bình của nước biển khá cao, độ ẩm không khí lớn

**Câu 11** : Ven biển Nam Trung Bộ là nơi thuận lợi nhất nước để phát triển nghề làm muối vì :

A. Có thềm lục địa thoai thoải kéo dài tận các quần đảo ngoài khơi

B. Có nhiệt độ cao, nhiều nắng và chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển

C. Nơi có khí hậu bán hoang mạc ,lượng mua rất thấp

D. Không có bão, ít chịu ảnh hưởng của khí hậu gió mùa Đông Bắc

**Câu 12** : Hạn chế lớn nhất của biển Đông đối với nước ta là :

A. Hàng năm có 3-5 trận bão xuất phát từ biển Đông B. Các cồn cát ven biển thường xuyên di chuyển vào đất liền

C. Nhiều nơi bờ biển bị sạt lở nghiêm trọng, nhất là ở Trung Bộ

D. Thủy triều xâm nhập sâu vào đất liền gây nhiễm mặn ở nhiều nơi

**Câu 13** : Đặc điểm nào sau đây của biển Đông có ảnh hưởng lớn nhất đến nước ta hiện nay? :

 A. Có diện tích lớn, lượng nước dồi dào B. Nóng ẩm và chiụ ảnh hưởng của gió mùa

 C. Biển kín và có các hải lưu chảy khép kín D. Có thềm lục địa mở rộng ở hai đầu, thu hẹp ở giữa

**Câu 14**: Nam Trung Bộ là vùng có điều kiện thuận lợi nhất nước ta để xây dựng các cảng biển nhờ:

A. Có hậu phương cảng lớn gồm Tây Nguyên, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan

B. Nằm ở vị trí trung độ cả nước có thể thu hút hàng hóa từ 2 đầu

C. Núi ăn lan ra biển tạo nhiều vùng vịnh sâu, kín gió D. Thềm lục địa bị thu hẹp nên biển có độ sâu lớn

**Câu 15** : Tiếp giáp với biển Đông trên 3260 km nên nước ta :

A. Có hơn ½ số tỉnh thành nằm giáp biển B. Thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức

 C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa D. Có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và mưa nhiều

**II . Đáp án: (8)**

1.A 2.B 3.C 4.B 5.B 6.D 7.A 8.A 9.D 10.D 11.B

12.A 13.B 14.C 15.B

**Bài 9 + 10: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**

**Câu 1.** Phía Nam vĩ tuyến 160B vào mùa đông vẫn có tình trạng nắng nóng, khô khan. Nguyên nhân chính là do:

A. Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nhưng đã bị yếu đi.

 B. Dãy Bạch Mã ngăn cản ảnh hưởng lạnh, khô của gió mùa Đông Bắc.

C. Chịu ảnh hưởng của gió tín phong ở nữa cầu Bắc. D. Gió mùa Đông Bắc đã bị biến tính do bức chắn Bạch Mã.

**Câu 2**. Mưa phùn thường diễn ra:

A. Ở miền Bắc vào đầu mùa đông. B. Ở Bắc Trung Bộ vào mùa hạ.

C. Vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ vào các tháng 2 và 3. D. Ở miền Bắc vào cuối mùa đông vào các tháng 2 và 3.

**Câu 3**. Các nhiệt độ trung bình năm lần lượt 210 3, 2609, 2405, 2509 là của:

A. Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Nha Trang, Lạng Sơn. B. Lạng Sơn, thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Nha Trang.

C. Lạng Sơn, Huế, Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh. D. Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Huế, Lạng Sơn.

**Câu 4.** Loại gió có thể thổi quanh năm trên cả nước ta là:

A. Gió mùa. B. Gió tín phong. C. Gió đất. D . Gió biển.

**Câu 5**. Gío tín phong ở nước ta chỉ hoạt động mạnh vào:

A. Mùa gió mùa mùa đông B. Mùa gió mùa mùa hạ.

C. Thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa gió. D. Các tháng cuối mùa đông.

**Câu 6.** Ở nước ta, gió tín phong có đặc điểm:

A. Thổi theo hướng Đông Bắc hoặc Tây Nam tuỳ theo mùa . B. Chỉ hoạt động mạnh vào thời kì chuyển tiếp của 4 mùa.

C. Có thể thổi quanh năm trên khắp lãnh thổ nước ta. D. Tất cả đặc điểm trên.

**Câu 7**. Ở nước ta, những nơi có lượng mưa trung bình năm có thể từ 3000 – 4000mm là:

A. Các đảo và quần đảo ngoài khơi. B. Các vùng trực tiếp đón gió mùa Tây Nam.

C. Các sườn đón gió biển và các khối núi cao. D. Những vùng có các dải hội tụ nhiệt đới quét qua.

**Câu 8.** Vào đầu mùa hạ, ở miền Tây Nguyên và Nam Bộ có mưa lớn là do:

A. Gió mùa Tây Nam từ cao áp cận chí tuyến ở nữa cầu Nam B. Gió mùa Tây Nam từ Ấn Độ Dương.

C. Sự kết hợp hoạt động giữa gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

D. Gió tín phong ở nữa cầu Nam hoạt động mạnh.

**Câu 9.** Nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ là:

A. Gió Tây Nam từ khối khí nhiệt đới ở Ấn Độ Dương.

B. Dãy Trường sơn hùng vĩ chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.

C. Gió Tây Nam từ cao áp cận chí tuyến ở nửa cầu Nam.

D. Sự mạnh mẽ của gió tín phong từ nửa cầu Nam.

**Câu 10.** Gió Tây Nam khô nóng có thể xuất hiện ở đồng bằng Bắc Bộ vào đầu mùa hạ khi:

A. Gió mùa Tây Nam từ Ấn Độ Dương hoạt động.

B. Áp thấp Bắc Bộ khơi sâu hút gió Tây Nam từ Ấn Độ Dương.

C. Áp thấp Bắc Bộ khơi sâu hút gió Tây Nam từ cao áp Thái Bình Dương.

D. Hoạt động của hội tụ nhiệt đới kết hợp cùng áp thấp Bắc Bộ.

**Câu 11.** “ Gió mùa Đông Nam” ở miền Bắc là do:

A. Áp thấp Bắc Bộ khơi sâu hút gió Tây Nam từ cao áp Ấn Độ Dương.

B. Áp thấp Bắc Bộ khơi sâu hút gió Tây Nam từ cao áp Thái Bình Dương.

C. Gió tín phong ở nữa bán cầu Bắc hoạt động mạnh vào thời kỳ chuyển tiếp.

D. Gió tín phong ở nữa cầu Nam hoạt động mạnh vào thời kỳ chuyển tiếp.

**Câu 12**. Điểm khác nhau cơ bản của gió mùa Đông Bắc giữa đầu và cuối mùa đông ở miền Bắc nước ta là:

A. Đầu mùa đông lạnh ẩm, cuối mùa đông lạnh khô.

B. Đầu mùa đông lạnh khô, cuối mùa đông lạnh ẩm.

C. Đầu mùa đông ít lạnh, cuối mùa đông lạnh nhiều.

D. Đầu mùa đông lạnh nhiều, cuối mùa đông ít lạnh.

**Câu 13**. Đây là một trong những đặc điểm cơ bản của gió mùa Đông Bắc.

A. Có thời tiết lạnh khô và chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc.

B. Có thời tiết lạnh ẩm, mưa phùn và chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc.

C. Vào nước ta thành từng đợt và chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc.

D. Càng vào Nam độ lạnh và độ ẩm càng giảm.

**Câu 14.** Đây là hai khu vực có sự đối lập về hai mùa mưa khô ở nước ta:

A. Nam Bộ và Tây Nguyên. B. Nam Bộ và đồng bằng ven biển miền Trung.

C. Bắc Bộ và Nam Bộ. D. Tây Nguyên và đồng bằng ven biển miền Trung.

**Câu 15.** Ở nước ta có hai mùa mưa ẩm và khô rất rõ rệt là:

A. Miền Bắc. B. Miền Nam C. Đồng bằng ven biển miền Trung. D. Tây Nguyên.

**Câu 16**. Dựa vào bảng số liệu sau đây về nhiệt độ của một số nơi ở nước ta:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa điểm | Nhiệt độ trung bình tháng 1 | Nhiệt độ trung bình tháng 7 | Nhiệt độ trung bình năm |
| Lạng SơnHà NộiVinhHuếQuy NhơnTP Hồ Chí Minh | 13,316,417,619,723,025,8 | 27,028,929,629,429,727,1 | 21,223,523,925,126,827,1 |

Nhận định nào sâu đây chưa chính xác?

A. Càng vào Nam nhiệt độ trung bình năm càng tăng.

B Vào tháng 1, độ vĩ càng tăng thì nhiệt độ trung bình càng giảm.

C. Vào tháng 7, các nơi ở ven biển miền Trung có nhiệt độ cao nhất.

D. Nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 ở các nơi thay đổi theo cùng quy luật.

**Câu 17. “**Khí hậu có sự phân chia thành 2 mùa, mùa đông lạnh, khô, ít mưa; mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều”. Đó là đặc điểm khí hậu của:

A. Miền Bắc. C. Miền Nam. B. Đồng bằng sông Hông. D. Ven biển miền Trung.

**Câu 18.** Nơi nào sau đây không chụi ảnh hưởng của gió Tây khô nóng?

A. Đồng bằng ven biển Trung Bộ. C. Phía Nam của Tây Bắc. B. Đồng bằng sông Hồng. D. Nam Bộ.

**Câu 19.** Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là vì:

A. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ quanh năm. B. Tổng số giờ nắng xê dịch từ 1400 đến 3000 giờ/năm.

C. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến. D.Nước ta nằm trong vùng nhiệt đới lại giáp biển Đông

**Câu 20.** Dựa vào bảng số liệu sâu đây về lượng mưa và cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa (mm) | Lượng bốc hơi (mm) | Cân bằng ẩm(mm) |
| Hà Nội HuếTP Hồ Chí Minh | 167628681931 | 98910001686 | 6871868245 |

Nhận định nào sau đây đúng nhất?

A. Lượng mưa và lượng bốc hơi giảm dần theo vĩ độ. B. Huế luôn dẫn đầu trong 3 nơi về cả 3 chỉ tiêu.

C. TP Hồ Chí Minh mưa nhiều nhưng lượng bốc hơi quá lớn nên cân bằng ẩm rất thấp.

D. Hà Nội là nơi có các chỉ số thấp nhất trong 3 nơi.

**Câu 21**. Đất xám bạc màu là do:

A. Đất phù sa cổ bị bào mòn, rữa trôi. B. Đất feralit phát triển trên đá vôi bộ bào mòn, rữa trôi.

C. Đất đá vôi bị nước mưa với khí CO2 hoà tan mà thành. D. Đất phù sa ở đồi núi thấp không được tiếp tục bồi đắp.

**Câu 22**. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đã làm cho sông ngòi nước ta có đặc điểm.

A. Phần lớn chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam B. Phần lớn đều ngắn, dốc, dễ bị lũ lụt.

C. Có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao. D. Có tổng lượng nước lớn và chủ yếu nhận từ ngoài lãnh thổ.

**Câu 23**. Đất feralit ở nước ta thường có màu đỏ vàng vì:

A. Có chứa nhiều oxit sắt và oxit nhôm. B. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

C. Mưa nhiều làm rửa trôi các chất badơ dễ tan. D. Đất quá chặt, thiếu các nguyên tố vi lượng.

**Câu 24.** Nhân tố nào sau đây làm cho đất feralit của nước ta thường bị chua?

A. Đất quá chặt, thiếu các nguyên tố vi lượng. B. Có chứa nhiều oxit sắt(Fe2O3) và oxit nhôm (Al2O3).

C. Mưa nhiều làm rữa trôi các chất bazơ dễ hoà tan. D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

**Câu 25**. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ manh đã làm cho đất feralit ở nước ta:

A. Thường bị chua. C.Thường có tầng đất dày. B. Đất dễ bị rữa trôi. D. Đất có màu vàng đỏ.

**Câu 26**. Kiểu hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng của khí hậu nước ta là:

A. Rừng gió mùa thường xanh. B. Rừng rậm nhiệt đới ẩm là rộng thường xanh.

C. Rừng gió mùa nữa rụng là. D. Rừng thưa khô rụng lá.

**Câu 27.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa cũng góp phần làm cho hai đồng bằng châu thổ lớn của nước ta:

A. Có địa hình thấp và khá bằng phẳng. B. Có đất phù sa màu mở, được bồi thường xuyên.

C. Có mạnh lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt. D. Mỗi miền lấn dần ra biển gần 100m.

**Câu 28.** Điều này thể hiện mối quan hệ giữa đồng bằng và miền núi ở nước ta:

A. Miền núi ở phía Tây, đồng bằng ở phía Đông. B. Miền núi chiếm ¾ diện tích, đồng bằng chiếm ¼ diện tích lãnh thổ.

C. Vật liệu bị bào mòn ở miền núi được bồi tụ ở đồng bằng.

D. Miền núi chủ yếu là đất feralit, đồng bằng chủ yếu đất phù sa.

**Câu 29.** Đây là hệ quả của quả của quá trình xâm thực bào mòn mạnh mẽ bề mặt địa hình ở miền đồi núi.

A. Trên các sường dốc chỉ còn trơ lại sỏi đá. B. Ở các núi đá vôi hình thành các địa hình caxtơ.

C. Ở vùng đồi thềm phù sa cổ đất xám bạc màu được hình thành.

D. Sự bồi tụ, mở mang nhanh chóng các đồng bằng hạ lưu.

**Câu 30.** Khi ở đồng bằng sông Hồng đang chống úng thì nơi nào có thể phải chống hạn?

A. Đồng bằng sông cữu Long. C. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên. D. Ven biển miền Trung.

**III. Đáp án(9+10**)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2C | 3B | 4B | 5C | 6C | 7C | 8B | 9B | 10B | 11B | 12B | 13C | 14D | 15B |
| 16D | 17A | 18D | 19C | 20C | 21A | 22C | 23A | 24C | 25B | 26B | 27D | 28C | 29D | 30D |

**BÀI 11+12: THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG**

**Câu 1.** Ranh giới thực sự tạo ra sự khác biệt về tự nhiên giữa miền Bắc Và miền Nam của nước ta là:

A. Hoành Sơn. C. Bạch Mã. B. Vĩ tuyến 120B**.**  D. Đèo cả.

**Câu 2**. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho khu vực phía Bắc vĩ tuyến 160B là:

A. Rừng gió mùa cận xích đạo. C. Rừng gió mùa nhiệt đới.

B. Rừng gió mùa cận nhiệt. D. Rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh.

**Câu 3**. Đặc trưng tiêu biểu cho khí hậu miến Bắc là:

A. Không có mùa đông rõ tệt. B. Có mùa đông với 3 tháng lạnh.

C. Nhiệt độ trung bình năm luôn trên 200C. D. Càng về Nam gió mùa Đông Bắc còn yếu.

**Câu 4.** Tiêu chuẩn để xác định các tháng yếu ở nước ta là:

A. Không có gió mùa Đông Bắc. B. Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

C. Nhiệt độ trung bình dưới 200C. D. Nhiệt độ trung bình dưới 150C.

**Câu 5.** Vùng có mùa đông lạnh nhất ở nước ta là:

A. Đông Bắc. C. Tây Bắc. B. Đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 6.** Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam.

A. Miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm dưới 200C, miền Nam trên 200C.

B. Biên độ nhiệt của miền Bắc cao hơn miền Nam.

C. Miền Bắc chụi ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc còn miền Nam thì không.

D. Miền Nam có hai mùa mưa khô, miền Bắc mưa quanh năm.

**Câu 7.** Khu vực từ Hoành Sơn đến Bạch Mã có đặc điểm:

A. Không có mùa đông rõ rệt. B. Chỉ có hai tháng nhiệt độ dưới 200C.

C. Không có tháng nào có nhiệt độ dưới 200C. D. Nhiệt độ trung bình năm dưới 200C.

**Câu 8.** “Bầu trời nhiều mây, tiết trời se lạnh, mưa ít, nhiều loại cây bị rụng lá”, đó là đặc điểm cảnh sắc thiên nhiên của:

A. Miền Bắc vào mùa chuyển tiếp. B. Miền Nam vào mùa thu đông.

C. Miền Bắc vào mùa Đông. D. Cả nước ta vào mùa đông.

**Câu 9.** Đặc điểm khí hậu với hai mùa mưa khô rõ rệt được thể hiện rõ nét ở:

A. Trên cả khu vực từ Bạch Mã vào Nam. B. Khu vực từ Quy Nhơn trở vào.

C. Chỉ có ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. D. Chỉ có ở Nam Bộ.

**Câu 10**. Đặc trưng khí hậu của khu vực từ Bạch Mã trở vào là:

A. Không có mùa đông rõ rệt, chỉ có hai thời kì chuyển tiếp.

B. Nhiệt độ trung bình năm trên 250C và không có tháng nào dưới 200C.

C. Có hai mùa: mùa ít mưa và mùa mưa nhiều.

D. Có hai mùa: một mùa nóng, một mùa lạnh.

**Câu 11.** Nơi có nhiều rừng thưa nhiệt đới khô ở nước ta là:

A. Tây Nguyên. C. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Cữu Long. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 12**. Đây là điểm khác biệt lí thú trong cảnh quan rừng ở miền Bắc và miền Nam nước ta:

A. Miền Bắc có rừng gió mùa nhiệt đới, miền Nam có rừng cận nhiệt.

B. Rừng ở miền Bắc rụng lá trong mùa đông, rừng miền Nam rụng lá trong mùa khô.

C. Rừng ở miền Bắc có cây rụng lá trong mùa đông, rừng ở miền nam xanh quanh năm.

D. Miền Bắc không có rừng thưa, miền Nam rừng thưa nhiệt đới khô lá tiêu biểu.

**Câu 13.** Pơ mu, sa mu là các loại cây:

A. Của vùng nhiệt đới, có nhiều ở Tây Nguyên. B. Của vùng rừng ngập mặn ở đồng bằng Sông Cữu Long.

C. Cận nhiệt, phát triển ở miền Bắc. D. Ôn đới, phát triển ở vùng núi miền Bắc.

**Câu 14**. Nhờ có khí hậu với một mùa đông lạnh nên ở miền Bắc:

A. Trên đồng bằng vẫn trồng được nhiều cây của vùng ôn đới. B. Trên đồng bằng vẫn phát triển các cây cận nhiệt.

C. Ở đồng bằng vào mùa đông trồng được cả các loại rau ôn đới.

D. Ở miền núi các cây trồng cận nhiệt và ôn đới chiến ưu thế.

**Câu 15.** Trên biển Đông của nước ta, thềm lục địa có đặc điểm:

A. Mở rộng ở hai đầu, thu hẹp ở giữa. B. Thu hẹp ở hai đầu, mở rộng ở giữa.

C. Phía Bắc và giữa Trung Bộ thu hẹp, phía Nam mở rộng. D. Phía Bắc mở rộng, thu hẹp ở giữa và phía Nam.

**Câu 16.** Trên các vùng biển của nước ta, các dòng hải lưu có đặc điểm.

A. Gồm các dòng nóng và dòng lạnh. B. Thay đổi hướng hàng năm theo gió mùa.

C. Có các dòng nóng vào mùa hạ và dòng lạnh vào mùa đông.

D. Các dòng nóng hoạt động ở phía Nam, các dòng lạnh hoạt động ở phía Bắc.

**Câu 17**. Ở đồng bằng Sông Hồng và Sông Cữu Long, địa hình ven biển có đặc điểm:

A. Đồng bằng mở rộng với các bãi triều thấp, phẳng.

B. Đồi núi lan ra sát biển chia cắt thành những đồng bằng nhỏ. C. Có các địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẻ nhau.

D. Các dạng địa hình cồn cát, đầm phá khá phổ biến.

**Câu 18**. Đồng bằng Sông Hồng và Sông Cữu Long hàng năm có thể tiến thêm ra biển 100m là nhờ:

A. Ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá. B. Ven biển có nhiều đảo lớn nhỏ.

C. Thềm lục địa có đáy nông, có cửa các sông lớn. D. Bờ biển khúc khuỷu với thềm lục địa thu hẹp.

**Câu 19.** Khi sườn Đông Trường Sơn đón nhận các luồng gió từ biển thổi vào gây mưa thu đông, thì ở Tây Nguyên:

A. Có mưa lớn. C. Là mùa khô. B. Là thời kì chuyển tiếp. D. Chỉ còn mùa khô.

**Câu 20**. Sự khác biệt về thiên nhiên giữa hai vùng Đông Bắc và Tây Bắc là do:

A. Độ cao của địa hình. C. Hướng núi và các chế độ gió.

B. Vị trí so với biển. D. Hướng núi và dòng chảy sông ngòi.

**Câu 21.** Khí hậu vùng Tây Bắc lạnh chủ yếu là do:

A. Hướng núi Tây Bắc – Đông Nam. B. Nằm hoàn toàn trong lục địa.

C. Chịu ảnh hưởng của cao nguyên Vân Qúi. D .Có đia hình phần lớn là núi cao.

**Câu 22.** Khi Tây Nguyên là mùa mưa thì ở sườn Đông Trường Sơn:

 A. Chịu tác đông của gió Tây khô nóng. B. Cũng là thời kì bắt đầu mưa mùa.

 C. Chịu tác động của gió tín phong. D. Là thời kì chuyển tiếp.

**Câu 23**. 60% diện tích đất tự nhiên của nước ta là nhóm đất:

A. Đồng bằng. C. Phèn và mặn. B. Xám phù sa cổ. D. Feralit và đồi núi thấp.

**Câu 24.** Đất nâu đỏ là loại đất:

A. Feralit phát triển trên đá vôi. B. Feralit phát triển trên đá badan.

C. Phù sa cổ bị bạc màu. D. Feralit phát triển trên đồi núi thấp.

**Câu 25**. Ở nước ta hệ sinh thái xavan truông bụi nguyên sinh tập trung ở vùng:

A. Nam Trung Bộ. C. Nam Bộ. B. Cực Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

**Câu 26.** Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh hình thành ở vùng:

A. Có đất chua mặn ở ven biển. B. Khô hạn có đất bị thoái hoá.

C. Núi thấp, mưa nhiều, ẩm ướt, mùa khô không rõ. D. Khí hậu có hai mùa mưa khô đối lập.

**Câu 27**. Đai ôn đới gió mùa trên núi từ 2600m trở lên chỉ có ở:

A. Tây Nguyên. C. Đông Bắc. B. Tây Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 28.** Loại đất chủ yếu ở vùng có độ cao trên 1700m là:

A. Feralit vàng đỏ. C. Feralit nâu đỏ. B. Feralít có mùn. D. Mùn alit.

**Câu 29**. Rừng hỗn hợp chỉ phát triển ở vùng:

A. Có độ cao trên 2600m. C. Có độ cao trên 1700m. B. Có độ cao từ 700 – 1700m. D. Độ cao dưới 700m.

 **Câu 30.** Đất feralit có mùn với đặc tính chua, tầng đất mỏng đượchình thành ở vùng có độ cao từ 700m – 1700m vì:

A. Quanh năm nhiệt độ dưới 150C chất hữu cơ khó phân giải.

B. Nhiệt độ giảm làm hạn chế quá trình phân giải chất hữu cơ.

C. Quá trình phong hoá diễn ra mạnh mẽ suốt năm.

D. Mặt đất quanh năm đóng băng, chất hữu cơ không thể phân giải.

**Câu 31**. Loại đất tập trung ở vùng trung du bán bình nguyên thuộc hệ đất đồi núi của nước ta là:

A. Feralit nâu đỏ. C. Feralit vàng đỏ. B. Đất xám phù sa cổ. D. Đất đá vôi.

**Câu 32**. “Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp với độ cao trung bình 600m, cấu tạo chủ yếu bằng đá vôi”. Đó là đặc điểm của:

A. Miền Đông Bắc. B. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

C. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. D. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**Câu 33.** Địa hình bờ biển của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm:

A. Có nhiều cồn cát, đầm phá. B. Có nơi thấp phẳng, có nơi nhiều vịnh, đảo.

C. Khúc khỷu, được chê chắn bởi các đảo ven bờ D. Bằng phẳng, có nhiều cửu sông.

**Câu 34**. Miền nam Trung Bộ và Nam Trung Bộ có đặc điểm:

A. Gồm chủ yếu là đồi núi thấp với độ cao trung bình 600m. B Núi cao và núi trung bình chiếm ưu thế.

C Phức tạp gồm các khối núi cổ, cao nguyên đồng bằng ven biển và châu thổ.

D. Có đủ cả núi cao, trung bình, thấp , cao nguyên và đồng bằng châu thổ.

**Câu 35.** Dãy Trường Sơn làm cho đồng bằng ven biển miền Trung:

A. Chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các vùng khác. B. Có mùa mưa chậm dần sang thu đông và gió Tây khô nóng.

C. Có hai mùa gió nghịch hướng Đông Bắc và Tây Nam. D. Biển có nhiều cồn cát, đầm phá ở ven biển.

**Câu 36.** Đây là đặc điểm cơ bản của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ:

A. Có đủ các địa hình núi cao, núi trung bình, núi thấp, sơn nguyên và đồng bằng.

B. Có mối quan hệ mật thiết với vùng Hoa Nam của Trung Quốc.

C. Có tài nguyên thiên nhiên giàu có nhất nước đặc biệt là nguồn khoáng sản.

D. Hướng nghiêng chung là Tây Bắc – Đông Nam với các dãy núi cánh cung và đồng bằng châu thổ.

**Câu 37.** “Sự thấp thường của nhịp điệu mùa khí hậu, của dòng chảy sông ngòi, thời tiết bất ổn định cao”. Đó là đặc điểm của miền:

A. Bắc và Đông Bắc. C. Tây Bắc. B. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**Câu 38.** Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh có đặc điểm:

A. Có cấu trúc nhiều tầng. B. Rụng là vào mùa khô.

C. Có cả rừng lá rộng và rừng lá kim. D. Phát triển ở độ cao trên 600m.

**Câu 39.** Kiểu vùng tiêu biểu của vùng có độ cao từ 600 – 700m đến 1600 – 1700m là:

A. Rừng nhiệt đới của lá rộng thường xanh. B. Rừng thưa nhiệt đới khô.

C. Rừng nhiệt đới gió mùa nữa rụng lá. D. Rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim.

**Câu 40.** Nét nổi bật trong cấu trúc của miền Bắc và Đông Bắc là:

A. Có các dãy núi ăn lan ra biển với thế đổ nghiêng trên đồng bằng.

B. Có địa hình núi cao với đầy đủ các đai cao.

C. Hướng vòng cung của các dãy núi và thung lũng sông.

D. Có nhiều dãy núi chạy theo hướng Đông – Tây, chia cắt các đồng bằng nhỏ

**II. Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1B | 2B | 3B | 4C | 5A | 6B | 7A | 8C | 9B | 10B | 11A | 12B | 13D | 14C | 15A | 16B | 17A | 18C | 19B | 20B |
| 21D | 22A | 23D | 24B | 25C | 26C | 27C | 28C | 29C | 30B | 31C | 32A | 33B | 34C | 35B | 36A | 37A | 38A | 39D | 40C |

**Bài 14: SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

**Câu 1.** Dựa vào bảng số liệu sau đây và sự biến động diện tích rừng qua một số năm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng diện tích (Triệu ha) | Rừng tự nhiên (Triệu ha) | Rừng trồng (Triệu ha) | Độ che phủ (%) |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22 |
| 2006 | 12,9 | 10,4 | 2,5 | 39 |

Nhận định:

A. Năm 1983 so với năm 1943 độ che phủ của rừng chỉ còn dưới 50%

B. Năm 2006, rừng được phục hồi hoàn toàn về diện tích nhưng chất lượng vẫn tiếp tục giảm.

C. Tỉ trọng rừng trồng so với tổng diện tích rừng ngày càng tăng.

D. Diện tích và chất lượng rừng ngày càng được khôi phục.

**Câu 2.** Rừng phi lao ven biển miền Trung thuộc loại:

A. Rừng phòng hộ. C. Rừng đặc dụng. B. Rừng sản xuất. D. rừng ngập nặm.

**Câu 3**. Đây là nguyên tắc sử dụng và phát triển rừng sản xuất theo quy định của luật bảo vệ và phát triển rừng:

A. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đồi núi trọc, đất trống.

B. Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh vật cảu các vườn quốc gia khu dự trữ thiên nhiên.

C. Đảm bảo duy trì diện tích và chất lượng rừng, duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng độ phì và chất lượng đất rừng.

D. Quy hoạch và thực hiện chiến lược trồng 5 triệu ha rừng đến năm 2010.

**Câu 4.** So với tổng diện tích rừng thì rừng cần được bảo vệ ở nước ta chiếm:

A. 17% C. 41% B. 42% D. 60%

**Câu 5.** Đối với nước ta độ che phủ của rừng phái đạt trên 45% thì mới bảo đảm cân bằng sinh thái vì:

A. Nước ta nằm hoàn toàn trong nội chí tuyến. B. Nước ta có địa hình 3/4 là đồi núi, mưa lại tập trung vào một mùa.

C. Địa hình đồi núi của nước ta chiếm ¾ diện tích phần lớn lại là núi thấp.

D. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hoá đa dạng.

**Câu 6.** Một trong những biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là:

A. Đóng cữa tất cả các rừng, nghiêm cấm khai thác. B. Trồng mới 5 triệu ha rừng cho đến năm 2010.

C. Đẩy mạnh việc giao đất giao rừng cho người dân. D. Nghiêm cấm việc xuất khẩu gỗ dưới mọi hình thức.

**Câu 7.** Nguyên nhân chính làm tài nguyên rừng của nước ta bị suy giảm mạnh trong thời gian qua là.

A. Chiến tranh. C. Thuốc khai quang. B. Cháy rừng. D. Khai thác không hợp lí.

**Câu 8.** Rừng Cúc Phương, Nam Cát Tiên thuộc loại:

A. Rừng hai thác. C. Rừng phòng hộ. B. Rừng đặc dụng. D. Rừng khoanh nuôi.

**Câu 9**. Đây là biện pháp để bảo về đa dạng sinh vật.

A. Mở rộng diện tích rừng các loại. B. Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.

C. Thực hiện việc định canh định cư cho dân cư miền núi.

D. Cải tạo đất hoang đồi trọc bằng các biện pháp nông lâm kết hợp.

**Câu 10.** Việc khai thác đất hoang đồi núi để làm nông nghiệp phải hết sức thận trọng vì:

A. Diện tích không còn nhiều. B. Dễ xâm hại vào đât rừng.

C. Đất có tầng phong hoá sâu dễ bị rữa trôi. D. Rất khó làm thuỷ lợi.

**Câu 11.** Những năm gần đây diện tích đất hoang đồi núi trọc ở nước ta giảm mạnh là do:

A. Lực lượng lao động ở trung du và miền núi được tăng cường. B. Kinh tế ở miền núi phát triển.

C. Chủ trương toàn dân trồng và bảo vệ rừng. D. Việc trồng cây công nghiệp lâu năm phát triển mạnh.

**Câu 12.** Vấn đề quan trọng nhất trong việc sữ dụng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay là:

A. Điều hoà nguồn nước giữa các vùng trong nước. B. Khai thác tối đa tiền năng thuỷ điện của các sông.

C. Giải quyết tình trạng phân bố không đều trong năm và ô nhiễm nguồn nước.

D. Sử dụng hợp lí tiết kiệm trên cơ sở khai thác có mức độ

**Câu 13:** Tài nguyên khoáng sản của nước ta có đặc điểm

A. Cơ cấu không cân đối. B. Trữ lượng thấp, quy mô nhỏ.

C. Phân bố không đều trong không gian. D. Tất cả các đặc điểm trên.

**Câu 14.** Hậu quả của tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường:

A. Mất cân bằng các chu trình tuần hoàn. B. Nguồn tài nguyên thiên nhiên bị suy giảm.

C. Thiên tai gia tăng, biến đổi thất thường về thời tiết và khí hậu. D. Khả năng tái sinh không còn, môi trường bị huỷ diệt

**Câu 15.** Luật bảo về môi trường của nước ta ra đời vào năm:

A. 1986 C. 1990 B. 1994 D. 2005.

**Câu 16.** Đây là biện pháp để bảo vệ đất ở miền núi nước ta:

A. Đẩy mạnh thâm canh bảo vệ vốn rừng. B. Áp dụng tổng thể các biện pháp thuỷ lợi canh tác nông lâm.

C. Nâng cao hiệu quả sữ dụng, có chế độ canh tác hợp lí. D. Tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.

**Câu 17.** Trong các loại đất cần được cải tạo ở nước ta hiện nay chiếm tỉ lệ lớn nhất là:

A. Đất phèn. C. Đất mặn. B. Đất than mùn. D. Đất xám bạc màu.

**Câu 18.** Biện pháp quan trọng hàng đầu để bảo vệ rừng đặc dụng ở nước ta hiện nay là:

A. Trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc. B. Có kế hoạch biện pháp nuôi trồng rừng hiện có.

C. Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh vật ở các vườn quốc gia. D. Đảm bảo duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng.

**Câu 19.** Đối với nước ta để đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái cần phải:

A. Duy trì diện tích rừng ít nhất như hiên có. B. Nâng độ che phủ của rừng lên trên 50%.

C. Hoàn tất việc trồng mới 5 triệu ha rừng. D. Nâng độ che phủ của rừng lên từ 45 – 50%, ở vùng đồi núi lên 60 – 70%.

**Câu 20**. Đây không phải là một trong những nhiệm vụ của chiến lược quốc gia bảo vệ tài nguyên và môi trường của nước ta.

A. Đảm bảo sự giàu có của đất nước về vốn gen.

B. Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu về đời sống con người.

C. Phấn đấu đạt tới trạng thái ổn định dân số phù hợp với khả năng tài nguyên.

D. Sữ dụng tiết kiệm, hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 21**: Tài nguyên rừng của nước ta hiện nay:

A. đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.

B. đang được phục hồi về số lượng nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm.

C. đã được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.

D. đã được phục hồi về chất lượng nhưng diện tích đang giảm sút nhanh.

**Câu 22**: Vườn quốc gia Cát Bà thuộc:

 A. Thành phố Hải Phòng. B. Thành phố Hồ Chí Minh. C. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. D. Tỉnh Cà Mau.

**Câu 23**: Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là:

 A. Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống con người.

 B. Đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên môi trường đi đôi với sự phát triển bền vững.

 C. Cân bằng giữa phát triển dân số với khả năng sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên.

 D. Phòng, chống, khắc phục sự suy giảm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

**Câu 24**: Một số nơi ở nước ta nguồn nước bị bị ô nhiễm nghiêm trọng, nguyên nhân chính là do:

 A. Nông nghiệp thâm canh cao sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.

 B. Hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lí.

 C. Giao thông vận tải đường thuỷ phát triển, lượng xăng dầu, chất thải trên sông nhiều.

 D. Việc khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa và các sự cố tràn dầu trên biển.

**Câu 25**: Mục đích chính của việc ban hành “Sách đỏ Việt Nam” là:

A. Để đánh giá nguồn tài nguyên thiên nhiên của cả nước B. Để đánh giá tình hình suy giảm tài nguyên và môi trường

C. Để bảo vệ nguồn gen động thực vật quí hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng

D. Kêu gọi sự giúp đở của các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ tài nguyên.

**II. Đáp án (14)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2A | 3C | 4D | 5B | 6C | 7D | 8C | 9B | 10B |
| 11C | 12C | 13C | 14C | 15C | 16B | 17A | 18C | 19D | 20D |

21. B 22. A 23. B 24. B 25. C

**BÀI 15. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

**Câu 1:**Ba tháng tập trung 70% số cơn bão của nước ta ( kể theo thứ tự nhiều ít) là:

 A. 7,8,9 B. 8,9,10. C. 9,10, 8 D. 9,10, 11

**Câu 2**:Bão ở nước ta có đặc điểm:

A. Chia đều cho các tháng từ 5-12. B. tất cả đều xuất phát từ Biển Đông

C. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam D. Tập trung nhiều nhất vào 4 tháng cuối năm

**Câu 3**: Đây là đặc điểm của bão ở vùng biển từ thành phố Hồ Chí Minh đến Cà Mau.

A. Có bão từ tháng 6-10, bão mạnh nhất vào tháng 8,9. B. Có bão từ tháng 8-10, bão mạnh nhát vào tháng 9.

C. Có bão từ tháng 9-11, bão mạnh nhất vào tháng 10 D Ít có bão, và thường chỉ diễn ra vào các tháng cuối năm

**Câu 4**: Các cơn bão diễn ra sớm, muộn bất thường diễn ra vào các tháng 5,12 thường có đặc điểm:

A. Có cường độ yếu. B. Ít đi vào đất liền C. Có diện mưa bão rộng D. Thường có lượng mưa lớn đặc biệt

**Câu 5:**Những cơn boã đổ bộ vào đồng bằng ven biển Trung Bộ có đặc điểm:

A. Thường có cường độ yếu, lượng mưa bão ít B. Có diện mưa bão hẹp nhưng lượng mưa bão rất lớn

C. Có diện mưa bão rộng và lượng mưa rất lớn D. Có diện mưa bão hẹp và lượng mưa bão rất ít

**Câu 6:** Nguyên nhân quan trọng góp phần làm cho ngập lụt ở Đồng bằng sông Hồng thêm nghiêm trọng là:

A. Đồng bằng bị chia cắt thành các ô trũng. B. Bị hệ thống đê sông, đê biển bao bọc

C. Bị triều cường xâm nhập vào rất sâu. D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng lớn

**Câu 7**: Ở Đồng bằng sông Cửu Long ngập lụt thường gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ lúa:

A. Đông Xuân B. Mùa C. Hè Thu D. Xuân Hè

**Câu 8:** Ngập lụt ở đồng bằng ven biển Trung Bộ ít nghiêm trọng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long nhờ:

A. Ở đây ít có sông lớn lại có thềm lục địa sâu B. Mưa ít lại có độ che phủ của rừng cao.

C. Có hệ thống rừng phi lao ven biển bảo vệ D. Địa hình dốc ra biển, không có đê nên dễ thoát nước

**Câu 9**: Đồng bằng sông Hồng là nơi có ngập lụt nghiêm trọng nhất nước ta nguyên nhân chính là do:

A. Đây là vùng có lượng mưa lớn nhất nước B. Là đồng bằng có địa hình thấp và phẳng nhất nước

C. Có mưa lớn, địa hình thấp, có hệ thống đê sông đê biển D. Có nhiều sông lớn, mức độ đô thị hoá cao.

**Câu 10**: Lũ quét là hiện tượng thường xảy ra ở vùng:

A.Lưu vực sông suối ở miền núi có địa hình bị chia cắt mạnh, rừng bị phá

B. Có địa hình hiểm trở, chia cắt, mưa nhiều.

C. Có mưa nhiều, lớp phủ thực vật bị phá D. Có địa hình hiễm trở, lớp phủ thực vật bị phá

**Câu 11:** Ở nước ta, vùng có hạn hán nghiêm trọng nhất kéo dài 6-7 tháng/năm là:

A. Các thung lũng khuất gió ở miền Bắc B. Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô

C. Tây Nguyên với mùa khô sâu sắc D. Vùng ven biển Cực Nam Trung Bộ

**Câu 12:** Biện pháp hàng đầu để phòng chống hạn hán là:

A. trồng rừng đầu nguồn các con sông B Xây dựng các công trình thuỷ lợi hợp lí

C. Qui hoạch lại các điểm dân cư D. Bảo vệ nguồn nươvcs trên các sông

**Câu 13:** Khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất của nước ta là:

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Bắc Trung Bộ D. Nam Bộ

**Câu 14**: Loại thiên tai bất thường và khó phòng tránh nhất của nước ta hiện nay là:

A. Bão B. Lũ quét C. Hạn hán D. Động đất

**Câu 15**: Để giảm thiệt hại do lũ quét gây ra cần phải:

A. Trồng rừng đầu nguồn các con sông B. Xây dựng các công trình thuỷ lợi hợp lí

C. Thực hiện các kĩ thuật nông nghiệp trên đất dốc D. Qui hoạch các điểm dân cư, sử dụng đất đai hợp lí

**II. Đáp án (15)**

1. B 2. C 3. D 4. A 5. B 6. B 7. C 8. D 9. C 10. A 11. D 12. B 13. A 14. D 15. D